

TƯỜNG NIỆM

Thầy **VŨ KHẮC KHOAN**

Trần Lam Giang

1956 - Ông bước vào dạy lớp tôi. Lòng lộng mái tóc. Vững vàng bước đi. Nét mặt nghiêm buồn, nhưng không dữ. Ông dạy chúng tôi Việt Văn. Giờ đầu, ông nói về chương trình học. Một chương trình lộn xộn, thiếu hụt những điều cần và thừa thãi những điều không cần do những người dốt Việt Văn, kém văn học ở bộ Quốc Gia Giáo dục hồi đó soạn ra. Dù vậy, thầy trò vẫn cùng nhau điềm đạm làm việc cho đến hết năm. Đó là đề nghị của ông đối với những thiếu niên 15, 17 tuổi ở lớp Đệ Tam.

Chúng tôi nghe chăm chú và đồng ý.

Ông cũng khuyên thanh niên phải khoẻ. Ông chê lớp chúng tôi èo uột quá, không có những cánh tay rắn chắc, những cái vai nở nang, làm sao xông pha gánh vác việc đời mai sau! Ông vừa dứt lời thì chùng mười cái tay áo xắn lên và cả lớp cười ồ. Ông không cười. Đứng lên quan sát từng cánh tay ấy, rồi gật đầu: “Tay các anh được, tuổi trẻ phải vậy.”

Cả năm tôi học Đệ Tam, không khí trầm và âm mỗi giờ Việt Văn. Tình thầy trò, tình bạn bè, theo dòng thời gian trưởng lớn mãi lên với cuộc đời, với cõi lòng, sâu thẳm hơn mãi.

Cái biến cố lịch sử 1954 còn chưa nguôi và không bao giờ nguôi khi đất nước vẫn bên bờ vực thảm chiến tranh. Những người chấp chững đi vào tuổi thanh niên thời ấy, tình non nước, hồn lịch sử như ngọn lửa nung nấu tâm can. Những bài giảng của ông, do đó càng dễ nhớ, khó quên.

1956 - lớp 3B4, lầu hai Chu Văn An hai hàng cửa sổ mở tung hai bên, bông điệp miền Nam tím hồng làm xao xuyến những kỷ niệm còn ôm chặt tình cảm với sắc đỏ tươi của hoa phượng vĩ nơi nghìn năm văn vật Thăng Long... Hồ Gươm nước biếc, Tây Hồ sóng bạc mênh mang... Lá bàng đỏ tía đỏ xuống vệ đường vào Chu Văn An cửa Bắc thủ đô. Một trời yêu dấu không nguôi. Mỗi lần tưởng tiếc là mỗi lần xao xuyến. Hoa điệp mới quen, dễ yêu nhưng chưa đậm thắm tình tự học trò... xao xuyến thì trốn học, năm ba đầu xanh rủ nhau chia sẻ nỗi nhớ quê hương... Cái tình tự buồn nhớ của đám thiếu niên học trò trong hoàn cảnh đất nước chia đôi ba mươi năm trước được các vị thầy chia sẻ. Có ai chia sẻ và nâng đỡ tình cảm thiếu niên mười một năm nay trong cảnh, sống đời lưu ly?! Những vấn đề thuộc phạm trù tâm lý và đạo đức xã hội cũng như gia đình, rất phức tạp và đa diện, cần phải được mổ xẻ kỹ càng và hệ thống đúng đắn. Mười một năm chưa được khởi nguyên. Ba mươi năm trước đây, các vị thầy chúng tôi làm việc ấy cho chúng tôi, tôi muốn nói những vị thầy thương yêu tuổi trẻ như thương yêu tương lai của đời mình, trong đó có thầy Vũ Khắc Khoan. Còn những người bán chữ thì nói làm chi, ở đây!

Ban B, toán là quan trọng nhất trong chương trình học. Chúng tôi thường bỏ giờ toán, giờ vật lý cũng thế. Lý do đơn giản và minh bạch: Anh em chúng tôi đã “làm thật” gọng gàng các ông Le Bossé, Gimbal, George Eve thì còn

nghe giảng bài trong lớp làm chi. Chỉ cần có mặt trong giờ làm bài hoặc thi để lấy điểm vào thông tin học bạ mà thôi. Các giáo sư thông cảm. Các thầy giám thị thông cảm. Các thầy thông cảm và xót xa lũ đầu xanh thông minh đang giao động tâm hồn vì biến cố Genève. Các thầy không coi chúng tôi là ngỗ nghịch, là kiêu căng, là hư đốn, cho dù chúng tôi, trên một khía cạnh nào đó có... đốn hơi sớm... Vậy mà, không ai bỏ giờ Việt Văn. Không phải vì giáo sư khe khắt mà ngại. Ông không khắt khe. Ông không điểm danh bao giờ. Ông cho tự do ra khỏi lớp, nếu thích ra. Chúng tôi không bỏ học giờ ông, vì trong giờ ấy, tuổi thiếu niên mơ hồ như gặt hái được chút gì giá trị. Biết thêm chút sắc thái dân tộc, biết thêm chút hình thành sân khấu qua chuyện Trinh Thử của Hồ Huyền Quy đời Trần chẳng hạn, cũng lý thú lắm.

1958 - Ông trở lại với chúng tôi ở lớp IB3 với bộ môn sử. Học sử, theo ông, không phải chỉ nhằm mục đích thuộc năm tháng và nhớ sự kiện. Học sử để hiểu tinh thần lịch sử và để đóng góp thân thể vào lịch sử. Năm nay mái tóc bông bênh của ông đã hơi điểm bạc. Ông nhìn học sinh đệ nhất (lớp 12) như những bạn trẻ.

Ông bàn luận với chúng tôi một số vấn đề lịch sử... đàn chim non này đang sửa soạn dần thân bay vào cuộc đời, xây dựng, đóng góp. Và biết đâu, trong những cơn đau đốn, thất bại chúng tôi cần lịch sử để tựa lưng, để đi về như nơi nương náu ấm cúng của tinh thần.

Hai bên cửa sổ, lũ cây điệp hàng năm vẫn trở bông tím hồng. Màu phượng vĩ đỏ tươi của quê hương miền Bắc vẫn xao xuyên cõi lòng lớp học sinh di cư. Và xao xuyên thì vẫn trốn học, dù năm thi... Sau này tôi có làm nghề giáo một cách giáo mác với mấy môn Triết, Việt. Khi ấy, mới

thấy rằng các thầy tôi thực đáng tư cách bậc thầy và các em học trò tôi, đứa nào cũng ngoan và khá hơn lớp chúng tôi.

Hôm nay, ngồi trên đất Mỹ, viết bài tưởng niệm thầy Vũ Khắc Khoan, hình ảnh ngôi trường xưa, màu hoa điệp, sắc tươi phượng vĩ, Saigon, Hà Nội làm tôi nghe rờn rợn da gà... Đời như bèo nước! Chẳng nên tấm cám gì!

Từ sau niên học 1958-1959, chúng tôi thường gặp ông ở cuộc đời. Thầy trò cùng đi trong một xã hội Việt Nam ngập ngụa đau thương, nhục nhã... Ai đóng góp gì cho quê hương mà kê công là thô bỉ, cũng như ai phụng dưỡng cha mẹ mà kê công là bất hiếu. Tưởng về văn hoá nghệ thuật cũng vậy.

Ông thầy "không biết cười" của chúng tôi đã đem tâm tình dậy khi chúng tôi là thiếu niên, đem tâm tình bàn luận khi chúng tôi là thanh niên. Ông viết văn, soạn kịch nhưng hơn 30 năm, chưa từng nghe ông dè pha, chê bai, bài xích đồng nghiệp. Ông chỉ không dung thứ có một thứ: Việt gian - Mà chắc chắn không một người Việt Nam nào dung thứ được Việt gian - còn văn hay, văn dở gì ông cũng tìm cái đẹp ở trong để yêu hết.

Những sinh hoạt trong giai đoạn tuổi thanh niên của chúng tôi, ông thường khi ghé qua. Ghé qua không để xúi giục hay phê bình. Với ông, tâm lòng thanh niên tự nó đã đẹp rồi, dù cho có khác ý ông. Ông ghé qua để thăm học trò cũ bắt đầu khôn lớn. Mái tóc hàng năm trắng thêm, bông bênh đẹp đẽ như hoà hợp với khuôn mặt trầm ngâm, từ tốn, ấm cúng và quả quyết.

Mười mấy năm trời lớn khôn, mười mấy năm trời chúng tôi vẫn xoay ở miền Nam quê hương... từng cơn gió lốc, từng trận mưa sa, ông vẫn ân cần thăm nom học trò cũ.

Mùa khói lửa đốt quê hương, đốt đồng bào, đốt sông, đốt núi, đốt ruộng nương, đốt cả trời xanh. Các học trò ông tung cánh khắp bốn vùng non nước, khắp các ngành. Hàng ngày máu nhuộm xuống đất mẹ. Hàng ngày. Hàng ngày và hàng đêm. Nói tiếp không dứt và không nguôi. Kẽ bưng bưng, kẽ quận đau, kẽ âm i, kẽ xương thịt tan tành, Còn ai nhẩn nhở, còn ai nhớ ai, còn ai quên ai trong cái trường Xuân Thu ấy?

1970, tôi giải ngũ! Trở lại hành nghề dạy học. Các bạn tôi, các thầy tôi đều cho đó là “may mắn”! lòng tôi tái trong cái may mắn ấy. Dù sao, vẫn là may! Sang lại ngôi trường của hội cựu giáo sư Chu Văn An, trường trung học Trí Đức, tọa lạc ở 55 Cao Thắng Saigon. Các thầy cũ tôi mở ngôi trường này đã hơn 10 năm, ế ẩm vì không quảng cáo. Các bậc thầy già quan niệm rằng mở trường dạy học mà phải quảng cáo là một điều đáng xấu hổ. Ngôi trường ấy, tôi về trở nên ảm cúng với chúng tôi. Bạn bè mỗi người ít giờ dẫn dắt các mái đầu xanh. Chúng tôi đã qua đi mất tuổi hoa niên, non nước vẫn tan tành... Vẫn con đường ấy, nói tiếp và nói tiếp trải từng thế hệ. Quả quyết máu xương.

Học lịch sử để góp công làm lịch sử. Bây giờ đi dạy, vẫn chưa góp được chút gì. Thẹn thùng cùng thế hệ trước, thẹn thùng với thế hệ sau. Dù ai cũng sẵn sàng vì nước không tiếc đời mình nhưng biết bao hy sinh thân thể mà vẫn chưa làm được gì cho nước mới đau lòng... Trong giai đoạn này, thỉnh thoảng ông đến kiếm tôi vào buổi tối. Trầm mặc hơn và tóc ông không còn dây như trước nữa. Vẫn bông bênh như áng mây bạc nổi trôi. Giọng nói ông vẫn ảm áp và nhẹ nhàng. Không một nụ cười. Mười mấy năm trời, tôi chưa một lần thấy ông cười. Những đêm Saigon hiu hiu lạnh trong giờ giới nghiêm vắng ngắt, niềm tin một tương lai hạnh phúc sáng ngập cả quê hương, ngập cả núi rừng,

ngập khắp ruộng nương còn nóng ấm trong lòng văn học, lịch sử và cả nghệ thuật nữa; tràn đầy sức sống, tràn đầy nghĩa nước tình nhà... Thấy rõ ràng quê hương sẽ tươi trở lại, đồng bào sẽ tươi trở lại trong tình yêu nhau. Có những đêm khói mờ! Có những đêm sao sáng!...

1975 - Một trời mây chó mớ màng!

Tôi ty nạn! Ông cũng ty nạn. Tôi đến trại, ông đã xuất trại. Được tin ông bình an, tôi mừng trong niềm đau rách nát. Được biết ông có dựng lại vở kịch Thành Cát Tư Hãn trong trại. Tôi nghe một thoáng vui giữa biển trời tê tái.

1978 - Đặng Đình Khiết tổ chức Đại hội thanh niên Phật tử ở Oklahoma. Tôi có đến tham dự và gặp ông ở đây. Thầy tôi đã trở thành một ông già đúng nghĩa của màu tóc. Nhưng hai vai ông vẫn đầy đặn và rộng thênh, màu da muôn đời bánh mật. Thầy đến hoà hợp với đám thanh niên lưu lạc trên đất lạ. Học trò cũ của thầy quy tụ dăm ba: Lê Mộng Hoan cặp kè chai rượu, Nguyễn Thanh Hùng, tay xách nách mang một túi vài ngàn bản dân ca, Nguyễn Thượng Hiệp suy tư cách thể trồng người dựng nước... Có mấy vị thầy tu thuyết giảng đạo pháp sắc không với lẽ vào ra thế tục.

Một đêm uống rượu ngâm thơ tại nhà Phạm Quân, người hùng ngã ngựa. Thời gian xoáy quá nhanh. Thật không ngờ, anh Quân già nua quá vội! Chị Quân trước kia đẹp như bông hồng Ngọc Hà mà bây giờ mắt trũng tóc hoa. Tôi nắm chặt hai vai chị nhìn sâu vào đáy mắt chị cố tìm một chút ngày xưa còn sót lại. Chị cười, lắc đầu thông cảm. Khi ấy ông cũng từ từ bước vào, cặp mắt ông vốn to như mở to thêm, to hết cỡ, nhìn vợ chồng Phạm Quân và ông cũng lắc đầu: “Già nua thế!”...

Mùa đông 1978 ông đến San Jose ở nhà chị Gấm -con gái ông- để tránh cái lạnh Minnesota. Ông gọi tôi lại và muốn tôi đem cả vợ con lại ông xem. Chúng tôi đến, đứng xếp hàng chào ông và bà. Ông nhìn lũ con tôi kỹ lưỡng, rồi nắm chặt vai tôi, cười: “Được lắm!”. Nụ cười ông làm tôi nghe đau xót trong lòng. Tôi nghĩ trong đầu: Khi mỗi cãm hận đã mở, miệng đã cười là thấy già đau thương lắm rồi. Tôi hỏi ông:

- Bây giờ thầy cười! Bao nhiêu năm con chưa thấy thầy cười.

Ông lại cười:

- Ồ! Mà phải cười chứ nhỉ!

Giọng ông thật nhẹ nhõm.

Từ đó, mỗi năm tôi gặp ông chừng ba bốn lần.

Năm nay, ông hẹn sang San Jose chơi vào dịp hè. Mùa hè ông đau. Đình lại mùa thu. Mùa thu ông cũng đau. Chừng một tháng trước khi ông mất, tôi gọi điện thoại thăm. Thầy tôi giọng nói yếu và mệt. Tuần sau đó, tôi lại gọi thăm thầy, giọng nói ông trong ấm. Tôi nghĩ trong đầu: ông hãy còn thọ lắm, giọng ông rất tốt. Ông hẹn sẽ sang San Jose ở chừng vài tháng.

Một buổi tối, Tường Vũ Anh Thi lại tôi chơi, anh nói mới gọi điện thoại thăm cụ Khoan. Giọng cụ yếu lắm. Mấy ngày sau, Đặng Đình Khiết gọi tôi, báo tin cụ mất...

... Chim đã bay mất vào chân trời. Đường chim bay hiện hữu mà không dấu vết.

Phương Tây, mặt trời lặn mỗi hoàng hôn. Thích Ca, Lão Đam đi về phương Tây, có chăng cố đuổi theo bóng mặt trời cho ngày dài thêm ra, cho đời sống dài thêm ra ?!

Lẽ tử sinh! Mối sầu vạ cổ của nghệ sĩ phương Đông. Đã rằng sống gửi chết về, nhưng còn ghét yêu nối kết với dương gian! Nối kết bằng nghiệp dĩ văn chương cũng là một giá trị đẹp và có ý nghĩa.

Hỡi ơi! Ta vỡ lòng trong mớ bụi dĩa văng, nhón lên cùng tập giấy mún. Nhìn thế cuộc xoay vần bằng con mắt cổ nhân. Nay lại định giải quyết hiện tại bằng phương pháp quá khứ! Còn võ ngực trách ai nữa!

Thế rồi một cuộc phân thư, tưởng để đốt tan tất cả quá khứ hà ngôn! Nào dè lại hiện lên một hình bóng lịch sử diễm kiều.

Lại sống với lịch sử tận cùng, điên mê cho đến ngày bóng dáng lịch sử biến mất trong một thời gian lạ thường, để chuẩn bị cho một cuộc thay đổi, quyết tuyến nhập cuộc, đi làm lịch sử.

Bóng dáng lịch sử dù xuất hiện trước hay sau cuộc phân thư, cũng chẳng hề gì. Vì khi kẻ sĩ đã nhập tâm, thời ngọn lửa thiêu kia chỉ để soi sáng thêm ngời ánh tâm thức, ngời nét tư duy trầm thống của kẻ sĩ trong một thời, và nung nấu thêm chuyển đi của con người "nắm cầm được guom thiêng" để làm lịch sử.

Thần Tháp Rùa là một đoạn lòng thầy Vũ Khắc Khoan. Những va chạm ở đời, ai mà hoàn toàn, trừ ông thánh.

Ông không phải là thánh, chắc cũng có những vấp vấp, đúng sai. Nhưng ông là ông thầy đúng nghĩa.

Ông thầy ấy, thuở thiếu thời học luật, khi tốt nghiệp không đi làm tri huyện. Nếu ông làm tri huyện thì bước đường hoạn lộ sẽ thênh thang, vì ông là rể cung của Quan Thượng Thư Bùi.

Ông lại tốt nghiệp kỹ sư thủy lâm, ông không cộng tác với Tây để làm trưởng ty, giám đốc.

Ông chọn con đường chiến đấu với thực dân Pháp xăm lãng cũng như với bọn ngược lẽ sống tình người.

Gặp cảnh éo le, ông chọn đường xây dựng văn học nghệ thuật, đem tâm tình lịch sử đến với tuổi hoa niên.

*Công cha nghĩa mẹ ơn thầy,
Ở sao cho xứng những ngày còn thơ.*

*Trần Lam Giang
(1986)*



Từ trái: Phạm Hữu Độ, Trần Lam Giang, Bùi Hùng Khoát, Ng An Cường, GS Đinh Tiến Lãng, GS Vũ Khắc Khoan, Đinh Xuân Thảo, Lê Duy San, Ng. Đình Sơn, Phạm Phúc Hưng (San Jose – 1983)

